

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 12/2025/DS-ST
Ngày: 22-01-2025
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH LONG AN

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ái Duy

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đặng Văn Bé

Bà Nguyễn Thị Phương

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đặng Thị Kim Thanh, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An.

- **Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Kim Ngân, Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 309/2024/TLST-DS ngày 09 tháng 10 năm 2024 về “tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 272/2024/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ngân hàng TMCP H1 (M), gọi tắt là Ngân hàng. Địa chỉ: Số E, đường N, phường L, quận Đ, Thành phố Hà Nội.

Địa chỉ liên lạc: Tầng A, Tòa nhà TNR, số A N, phường N, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hoàng L, chức vụ: Tổng giám đốc M.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Bùi Đức Q, chức vụ: Tổng giám đốc Ngân hàng Q1.

Người được ủy quyền lại:

1. Ông Phạm Thanh T, sinh năm 1994, chức vụ: Chuyên viên Xử lý nợ KHCN Thẻ chấp - Phòng XLN KHCN Thẻ chấp.

Địa chỉ liên hệ: Số A T, phường C, quận N, thành phố Cần Thơ.

2. Ông Lương Văn H, sinh năm 1986, chức vụ: Giám đốc Xử lý nợ KHCN Thế chấp - Phòng XLN KHCN Thế chấp.

Địa chỉ liên hệ: Số A T, phường C, quận N, thành phố Cần Thơ.

3. Ông Trần Hữu T1, sinh năm 1994, chức vụ: Chuyên viên Xử lý nợ KHCN Thế chấp - Phòng XLN KHCN Thế chấp.

Địa chỉ liên hệ: Tầng A, Tòa nhà TNR, Số A N, phường N, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Ông Phạm Điền T2, sinh năm 1990, chức vụ: Chuyên viên Xử lý nợ KHCN Thế chấp - Phòng XLN KHCN Thế chấp.

Địa chỉ liên hệ: Tầng A, Tòa nhà TNR, Số A N, phường N, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Ông Đặng Văn G, sinh năm 1962. Địa chỉ: Số C, ấp G, xã P, huyện C, tỉnh Long An.

(Ông T2, ông G có mặt, các đương sự khác vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 04 tháng 6 năm 2024 và trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Phạm Điền T2 trình bày:

Vào ngày 17/11/2021, Ngân hàng TMCP H1 (M) cho ông Đặng Văn G vay số tiền 500.000.000 đồng, thời hạn vay 120 tháng, mục đích vay: vay mua sắm thiết bị nội thất gia đình; thời hạn thanh toán định kỳ hàng tháng, lãi suất vay trong hạn 9,1%/năm, lãi suất quá hạn 150% lãi suất cho vay thông thường trong hạn, theo hợp đồng tín dụng số 01262/2021/HĐCV/RB/2983327 và giấy nhận nợ ngày 17/11/2021.

Để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng tín dụng và giấy nhận nợ, ông G đã ký với ngân hàng Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 125BL-11/2021/HĐTC ngày 17/11/2021, tài sản thế chấp là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 254, tờ bản đồ số 9, diện tích 434,4m², loại đất ở nông thôn, tọa lạc tại xã P, huyện C, tỉnh Long An, do ông Đặng Văn G đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng, ông G đã vi phạm thời hạn thanh toán định kỳ nên ngân hàng khởi kiện đề thu hồi nợ trước hạn.

Nay, Ngân hàng yêu cầu ông Đặng Văn G phải thanh toán số tiền 453.253.806 đồng, trong đó số tiền vốn vay là 365.856.079 đồng, tiền lãi trong hạn là 56.948.002 đồng, tiền lãi quá hạn là 30.449.725 đồng, tạm tính đến ngày 22/01/2025. Ông G tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh đối với các khoản tiền còn nợ theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng và giấy nhận nợ cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Trường hợp ông G không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ thì yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng các thửa đất trên để thu hồi nợ theo quy định của hợp đồng thế chấp.

Ngày 17/11/2021, Ngân hàng TMCP H1 (M) đã phát hành thẻ tín dụng cho ông Đặng Văn G thông qua giấy đăng ký kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng với hạn mức là 20.000.000 đồng; Loại thẻ: Master Card Daily S; mục đích vay: tiêu dùng; lãi suất vay và phí được Ngân hàng (M) quy định trong từng thời kỳ; hiện nay do ông G đã thanh toán xong khoản vay này nên Ngân hàng không yêu cầu giải quyết.

Ông Đặng Văn G là bị đơn trình bày:

Vào ngày 17/11/2021, ông vay Ngân hàng TMCP H1 (M) số tiền 500.000.000 đồng, thời hạn vay 120 tháng, mục đích vay: vay mua sắm thiết bị nội thất gia đình; thời hạn thanh toán định kỳ hàng tháng, lãi suất vay trong hạn 9,1%/năm, lãi suất quá hạn 150% lãi suất cho vay thông thường trong hạn, theo hợp đồng tín dụng số 01262/2021/HĐCV/RB/2983327 ngày 17/11/2021 và giấy nhận nợ ngày 17/11/2021.

Để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng tín dụng và các giấy nhận nợ, ông đã ký với ngân hàng Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 125BL-11/2021/HĐTC ngày 17/11/2021, tài sản thế chấp là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 254, tờ bản đồ số 9, diện tích 434,4m², loại đất ở nông thôn, tọa lạc tại xã P, huyện C, tỉnh Long An, do ông đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Đối với hợp đồng vay thẻ tín dụng, ông đã thanh toán xong cho ngân hàng.

Tại phiên tòa, ông G trình bày: Quá trình thực hiện hợp đồng vay, do Ngân hàng không nhắc tin thông báo cho ông số tiền phải nộp nên ông vi phạm nghĩa vụ thanh toán ở một vài tháng nhưng sau đó Ngân hàng vẫn tiếp tục chấp nhận thu tiền vay nên ông không đồng ý yêu cầu khởi kiện thanh toán nợ trước hạn, ông yêu cầu Ngân hàng cho ông tiếp tục thực hiện hợp đồng vay, thanh toán nợ gốc và lãi định kỳ hàng tháng như thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định về thủ tục tố tụng. Các đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, có căn cứ xác định vào ngày 17/11/2021, Ngân hàng TMCP H1 (M) cho ông Đặng Văn G vay số tiền 500.000.000 đồng, thời hạn vay 120 tháng, mục đích vay: vay mua sắm thiết bị nội thất gia đình; thời hạn thanh toán định kỳ hàng tháng. Do ông G vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số 01262/2021/HĐCV/RB/2983327 ngày 17/11/2021 và giấy nhận nợ ngày 17/11/2021 nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn thanh toán số tiền 453.253.806 đồng, trong đó số tiền vốn vay là 365.856.079 đồng, tiền lãi trong hạn là 56.948.002 đồng, tiền lãi quá hạn là

30.449.725 đồng, tạm tính đến ngày 22/01/2025, theo quy định tại các Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015 và các Điều 100, 102 và Điều 103 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 sửa đổi bổ sung năm 2017.

Do hợp đồng thế chấp số 125BL-11/2021/HĐTC ngày 17/11/2021 giữa các bên được đăng ký giao dịch bảo đảm tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền nên có hiệu lực pháp luật vì vậy trong trường hợp ông G không thanh toán nợ hoặc thanh toán không đầy đủ thì nguyên đơn có quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BP 048363, số vào sổ cấp GCN: CH01374 do Ủy ban nhân dân huyện C ký cấp cho ông Đặng Văn G ngày 17/6/2013, đối với thửa đất số 254, tờ bản đồ số 9, diện tích 434,4m², loại đất ở nông thôn, tọa lạc tại xã P, huyện C, tỉnh Long An, để thu hồi nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Ngân hàng TMCP H1 (M) có đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng với ông Đặng Văn G, việc tranh chấp được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Ông G cư trú tại huyện C, tỉnh Long An nên Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An thụ lý giải quyết là đúng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung vụ án: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện, ngày ngày 17/11/2021, Ngân hàng TMCP H1 (M) cho ông Đặng Văn G vay số tiền 500.000.000 đồng, thời hạn vay 120 tháng, mục đích vay: vay mua sắm thiết bị nội thất gia đình; thời hạn thanh toán định kỳ hàng tháng, lãi suất vay trong hạn 9,1%/năm, lãi suất quá hạn 150% lãi suất cho vay thông thường trong hạn, theo hợp đồng tín dụng số 01262/2021/HĐCV/RB/2983327 và giấy nhận nợ ngày 17/11/2021. Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông G có nghĩa vụ thanh toán số tiền 453.253.806 đồng, trong đó số tiền vốn vay là 365.856.079 đồng, tiền lãi trong hạn là 56.948.002 đồng, tiền lãi quá hạn là 30.449.725 đồng, tạm tính đến ngày 22/01/2025, đồng thời yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

[3]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, các đương sự thống nhất việc ông G vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng ở một số kỳ (tháng 8, 9, 10/2023 và từ tháng 01 đến tháng 8/2024). Do đó, Ngân hàng căn cứ thỏa thuận tại khoản 4 Điều 5 của Điều khoản điều kiện giao dịch chung về cấp tín dụng đối với khách hàng cá nhân tại MSB, hợp đồng tín dụng số 01262/2021/HĐCV/RB/2983327 và giấy nhận nợ ngày 17/11/2021, để khởi kiện ông G thu hồi nợ là có căn cứ, phù hợp với quy định tại các Điều 100, 102 và Điều 103 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 sửa đổi bổ sung năm 2017 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]. Xét trình bày của bị đơn: Ông G cho rằng ông chỉ thanh toán nợ hàng tháng sau khi nhận được thông báo yêu cầu thanh toán nợ của Ngân hàng là không

có căn cứ bởi các bên thỏa thuận hình thức trả nợ gốc và lãi mỗi tháng 01 lần vào ngày 16 hàng tháng, thể hiện tại giấy nhận nợ ngày 17/11/2021 và không có thỏa thuận phải thanh toán nợ khi được thông báo nên ông G có trách nhiệm phải thanh toán nợ theo thỏa thuận.

Ông G thống nhất số tiền còn nợ Ngân hàng và yêu cầu được tiếp tục thực hiện hợp đồng tín dụng, thanh toán nợ gốc và lãi định kỳ hàng tháng như thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng nhưng không được người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đồng ý; vì vậy cần buộc ông G có nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng theo quy định tại các Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

[5]. Đối với hợp đồng thế chấp số 125BL-11/2021/HĐTC ngày 17/11/2021, tài sản thế chấp là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BP 048363, số vào sổ cấp GCN: CH01374 do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Long An ký cấp cho ông Đặng Văn G ngày 17/6/2013, đối với thửa đất số số 254, tờ bản đồ số 9, diện tích 434,4m², loại đất ở nông thôn, tọa lạc tại xã P, huyện C, tỉnh Long An, hợp đồng được công chứng tại Văn phòng C, số công chứng 2262, quyền số 02-2021/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 17/11/2021 và chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện C chứng nhận việc thế chấp bằng quyền sử dụng đất ngày 17/11/2021.

Hợp đồng thế chấp được các bên ký kết với nội dung thỏa thuận đúng trình tự, thủ tục pháp luật quy định, được cơ quan nhà nước có thẩm quyền đăng ký giao dịch đảm bảo nên có hiệu lực thi hành.

[6]. Đối với giấy đăng ký kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng với hạn mức là 20.000.000 đồng; Loại thẻ: Master Card Daily S; mục đích vay: tiêu dùng; Các đương sự thống nhất, ông G đã thanh toán xong khoản vay này và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7]. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ tài sản thế chấp: Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng được chấp nhận nên ông G phải chịu số tiền 2.300.000 đồng. Ngân hàng không phải chịu theo quy định tại Điều 157, 158 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[8]. Quan điểm giải quyết vụ án của kiểm sát viên tham gia phiên tòa là có căn cứ nên chấp nhận.

[9]. Về án phí: Do yêu cầu của Ngân hàng được chấp nhận nên ông G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm [453.253.806 đồng = (20.000.000 đồng + 4% của phần vượt 400.000.000 đồng) = 22.130.152 đồng]. Tuy nhiên, ông G có đơn xin miễn án phí thuộc trường hợp người cao tuổi nên được miễn án phí theo quy định; Ngân hàng không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 157, 158, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 100, 102 và Điều 103 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 sửa đổi bổ sung năm 2017;

Căn cứ Điều 12, 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng của Ngân hàng TMCP H1 (M) đối với ông Đặng Văn G.

Buộc ông Đặng Văn G có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP H1 (M) số tiền 453.253.806 đồng, trong đó số tiền vốn vay là 365.856.079 đồng, tiền lãi trong hạn là 56.948.002 đồng, tiền lãi quá hạn là 30.449.725 đồng (tạm tính đến ngày 22/01/2025).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm ông G còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Đối với tài sản thế chấp: Tiếp tục thực hiện hợp đồng thế chấp 125BL-11/2021/HĐTC ngày 17/11/2021, tài sản thế chấp là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BP 048363, số vào sổ cấp GCN: CH01374 do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Long An ký cấp cho ông Đặng Văn G ngày 17/6/2013, đối với thửa đất số 254, tờ bản đồ số 9, diện tích 434,4m², loại đất ở nông thôn, tọa lạc tại xã P, huyện C, tỉnh Long An, để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán nợ của ông Đặng Văn G.

Trường hợp ông G không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc thực hiện nghĩa vụ trả nợ không đầy đủ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan Chi cục thi hành án dân sự phát mãi tài sản thế chấp để thanh toán nợ theo hợp đồng thế chấp đã thỏa thuận.

3. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ tài sản thế chấp: Ông Đặng Văn G phải chịu số tiền 2.300.000 đồng. Do Ngân hàng đã tạm nộp nên ông G có nghĩa vụ hoàn trả cho Ngân hàng TMCP H1 (M) số tiền 2.300.000 đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về án phí:

Ông Đặng Văn G được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng TMCP H1 (M) không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 11.470.000 (mười một triệu bốn trăm bảy mươi nghìn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009129 ngày 08 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

6. Về nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án ND tỉnh LA;
- Viện kiểm sát ND cùng cấp;
- Chi cục THA dân sự huyện;
- Các đương sự;
- Lưu (hồ sơ, án văn)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Thị Ái Duy